

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 6 - 2019
“Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi.
2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Hữu Hoàng Ch, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Cây Trôm, xã PH, huyện CC, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Yến Nh, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 2, xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Anh Ch có mặt, chị Nh vắng mặt – Đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 13 tháng 02 năm 2019 và lời trình bày của anh Lê Hữu Hoàng Ch tại phiên tòa: Anh Lê Hữu Hoàng Ch và chị Lê Thị Nhị kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA vào ngày 04/8/2014. Anh Ch và chị Nh sống chung hạnh phúc được 01 tháng thì vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến bất hòa. Từ đó, anh Ch và chị Nh ly thân nhau cho đến nay. Thấy rằng vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên anh Ch xin ly hôn với chị Nh.

Về con chung: Anh Ch khai, anh Ch và chị Nh chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Ch khai, anh Ch và chị Nh chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Ch khai, anh Ch và chị Nh chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Lê Thị Nh, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Nh không đến Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA làm việc hoặc phản hồi ý kiến của chị Nh về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn chị Lê Thị Nh có hộ khẩu thường trú tại ấp 2, xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị Lê Thị Nh vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu Hoàng Ch và chị Lê Thị Nh kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA vào ngày 04/8/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Ch và chị Nh là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh Ch và chị Nh sống chung hạnh phúc được 01 tháng thì vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến bất hòa. Từ đó, anh Ch và chị Nh ly thân nhau cho đến nay nên anh Ch tha thiết xin được ly hôn với chị Nh. Ngược lại, chị Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa anh Ch và chị Nh đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, anh Ch yêu cầu được ly hôn với chị Nh là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Ch khai, anh Ch và chị Nh chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, chị Nh đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Ch khai, anh Ch và chị Nh chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, chị Nh đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Anh Ch khai, anh Ch và chị Nh chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, chị Diệp đã được

triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc anh Lê Hữu Hoàng Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu Hoàng Ch về việc xin ly hôn với chị Lê Thị Nh.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu Hoàng Ch được ly hôn với chị Lê Thị Nh.

Về án phí: Buộc anh Lê Hữu Hoàng Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí anh Ch đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 4072 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, anh Ch có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ tuyên án. Riêng chị Nh vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- UBND xã Hựu Thạnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp